TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA SÚP** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 13/2017/HNGĐ-ST.
Ngày: 19/9/2017.
V/v: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Trung Kiên.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bành Trọng Bình và ông Y Khăm Ta Niê
- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Quốc Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại Hội trường Toà án nhân dân huyện Ea Súp mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2017 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị C,** sinh năm 1971
Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện Ea Súp, tỉnh Đăk Lăk.
2. Bị đơn: Anh **Long Văn L**, sinh năm 1967
Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện Ea Súp, tỉnh ĐăkLăk
(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/6/2017, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên toà hôm nay nguyên đơn chị Lê Thị C trình bày:

Chị và anh Long Văn L chung sống với nhau từ năm 1988 tại xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Năm 1996 vợ chồng chị vào xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk làm ăn, chị và anh Lập chung sống là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc gì, có cưới hỏi theo phong tục tập quán nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, hay cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, lý do tính tình mỗi người một thay đổi dẫn đến vợ chồng không hiểu nhau và thông cảm cho nhau nên vợ

chồng càng ngày càng trở nên mâu thuẫn trầm trọng. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau, nếu cứ tiếp tục chung sống với nhau sẽ không mang lại hạnh phúc cho nhau. Vì vậy chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ea Súp giải quyết cho chị được ly hôn với anh Long Văn L.

Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung là cháu Long Công V, SN: 24/01/1991 và cháu Long Thị D, SN: 24/02/1993, nay hai cháu đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Chị và anh L Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06/6/2017, biên bản lấy lời khai và tại phiên toà bị đơn anh Long Văn L trình bày:

Anh và chị Lê Thị C chung sống với nhau từ năm 1988 tại xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Năm 1996 vợ chồng anh vào xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk làm ăn, anh và chị C chung sống là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc gì, có cưới hỏi theo phong tục tập quán nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây vợ chồng có nhiều mâu, hay cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nếu cứ tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc cho nhau. Nay chị C yêu cầu xin được ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh và chị C có 02 con chung là cháu Long Công V, SN: 24/01/1991 và cháu Long Thị D, SN: 24/02/1993 nay hai cháu đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Sau khi thụ lý vụ án hôn nhân gia đình số 58/2017/TLST-HNGĐ ngày 25/5/2017. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng, giao nhận thông báo thụ lý vụ án, giao nhận thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ra quyết định xét xử, giao nhận hợp lệ quyết định xét xử và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Lê Thị C và anh Long Văn L là quan hệ vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị C xin được ly hôn với anh Lê Văn L hiện cư trú tại thôn N, xã C, huyện E nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện Ea Súp thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tòa án nhận thấy chị Lê Thị C và anh Lê Văn L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1988, Trong thời gian chung sống anh chị có nhiều quan điểm sống bất đồng, không phù hợp với nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Mặc dù anh chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay chị C làm đơn xin được ly hôn với anh L, HĐXX thấy anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình về đăng ký kết hôn nên coi đây là hôn nhân không hợp pháp, nay chị C có yêu cầu ly hôn nên cần áp dụng khoản 2 Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Lê Thị C và anh Long Văn L là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị C và anh Long Văn L có 02 con chung là Long Công V, SN: 24/01/1991 và cháu Long Thị D, SN: 24/02/1993, cả hai con chung đều đã thưởng thành, các bên không yêu cầu về nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lê Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Lê Thị C và anh Long Văn L là quan hệ vợ chồng.

- *Về con chung*: Do các con chung đều đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và công nợ*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- *Về án phí:* Chị Lê Thị C phải chịu *300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị C đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E theo biên lai thu số 0040711 ngày 22/5/2017.

- *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện Ea Súp;
- Tòa án tỉnh;
- Thi hành án dân sự huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên